

Số: /2020/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày tháng năm

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí)  
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá dịch vụ giáo dục, đào tạo (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu, thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum năm học 2020-2021 như sau:

1. Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

| TT | Cấp học             | Vùng và giá dịch vụ (học phí) |        |        |
|----|---------------------|-------------------------------|--------|--------|
|    |                     | Vùng 1                        | Vùng 2 | Vùng 3 |
| 1  | Mầm non             | 52.000                        | 30.000 | 25.000 |
| 2  | Trung học cơ sở     | 40.000                        | 23.000 | 19.000 |
| 3  | Trung học phổ thông | 52.000                        | 30.000 | 25.000 |

Trong đó:

a) Vùng 1: Gồm 6 phường: Quyết Thắng, Thắng Lợi, Thống Nhất, Quang Trung, Duy Tân, Trường Chinh của thành phố Kon Tum.

b) Vùng 2: Gồm 4 phường của thành phố Kon Tum (*Ngô Mây, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi*) và 6 thị trấn thuộc 6 huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy (*trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành*).

c) Vùng 3: Thị trấn Măng Đen, các xã còn lại và các thôn đặc biệt khó khăn của vùng 2.

2. Đối với giáo dục thường xuyên: Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức giá dịch vụ (học phí) tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn (theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 86/2015/NĐ-CP).

3. Đối với giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý

a) Chương trình đào tạo đại trà trình độ đào tạo trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

*Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên*

| NHÓM NGÀNH, NGHỀ                                                                            | Trung cấp | Cao đẳng |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|
| 1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản                                      | 425       | 485      |
| 2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch | 490       | 560      |
| 3. Y dược                                                                                   | 580       | 650      |

b) Đối với mức giá dịch vụ (học phí) đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun: Được xác định theo quy định tại Khoản 9 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP.

c) Mức giá dịch vụ (học phí) học lại: Mỗi tín chỉ, mô-đun học lại bằng 50% học phí đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun. Riêng đào tạo nghề bằng 80% giá dịch vụ (học phí) đào tạo tính theo tín chỉ, mô-đun.

d) Đối với đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên: Mức giá dịch vụ (học phí) giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo phương thức giáo dục thường xuyên áp dụng mức không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo theo chương trình đào tạo đại trà tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa thực hiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Học phí đối với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác được áp dụng mức thu theo sự thỏa thuận chi phí giữa cơ sở giáo dục và người học (theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Nghị định 86/2015/NĐ-CP).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2020./.

## **PHÓ CHỦ TỊCH**

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VBQPPL*);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**Kring Ba**